

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống dịch COVID-19
(Tài liệu họp Ban Chỉ đạo Quốc gia vào ngày 06/8/2022)

Bộ Y tế - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 báo cáo công tác phòng, chống dịch COVID-19 như sau:

I. TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19

1. Trong 07 tháng đầu năm 2022, thế giới ghi nhận trên 291 triệu ca mắc mới, đưa tổng số ca mắc vượt 582 triệu ca, trên 6,4 triệu ca tử vong. Dịch vẫn diễn biến phức tạp, khó lường và đã bùng phát trở lại tại một số quốc gia với sự xuất hiện của biến chủng Omicron và các biến thể phụ BA.4, BA.5, BA.2.75, BA.2.12.1¹. Số ca nhập viện và số ca tử vong đã gia tăng trở lại; trong tháng 7 đã ghi nhận trên 30 triệu ca mắc mới (tăng gấp 1,7 lần so với cùng tháng trước đó)². Tổ chức Y tế thế giới (WHO) hiện vẫn cảnh báo dịch COVID-19 là đại dịch toàn cầu và khuyến cáo duy trì các biện pháp ứng phó, nhất là tiêm chủng vắc xin³.

2. Tại Việt Nam, 07 tháng đầu năm 2022, cả nước ghi nhận trên 9 triệu ca mắc (chiếm 83,9% tổng số ca mắc), trên 8,5 triệu người khỏi bệnh (94,5%), gần 11 nghìn ca tử vong (0,1%). Tích lũy đến nay, cả nước ghi nhận 10,7 triệu ca mắc, có 9,9 triệu người khỏi bệnh (92%) và trên 43 nghìn ca tử vong (0,4%). Trong tháng 07/2022, ghi nhận trên 33.000 ca mắc, 06 ca tử vong; thời gian gần đây ghi nhận khoảng 2.000 ca mắc mỗi ngày. So với tháng trước, số mắc tăng 22,4%, tử vong giảm 02 ca, tỷ lệ chết/mắc là 0,02%.

Hiện còn 6.388 ca đang theo dõi và điều trị, trong đó có 675 ca đang điều trị tại bệnh viện; có 44 ca nặng phải thở ôxy, bao gồm 3 ca thở máy.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác phòng, chống dịch COVID-19; ban hành các văn bản yêu cầu các ngành, các cấp, địa phương tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; tiếp tục thực hiện mục tiêu kiểm soát dịch, không để bùng phát trở lại; chỉ đạo các bộ ngành, địa

¹ <https://www.who.int/activities/tracking-SARS-CoV-2-variants>

² Ở cấp khu vực, **số ca mắc mới hàng tuần** tăng ở khu vực Tây Thái Bình Dương (+52%), khu vực Đông Địa Trung Hải (+45%) và **khu vực Đông Nam Á (+13%)**, trong khi giảm ở khu vực Châu Phi (-44%), khu vực Châu Âu (-24%) và khu vực Châu Mỹ (-12%). **Số ca tử vong mới hàng tuần** tăng ở khu vực Đông Địa Trung Hải (+88%), khu vực Tây Thái Bình Dương (+19%) và khu vực Nam Á (+8%), trong khi giảm ở khu vực Châu Phi (-47%), khu vực Châu Âu (-6%) và không thay đổi ở khu vực Châu Mỹ.

Ở cấp quốc gia, **số ca mắc mới hàng tuần cao nhất** được báo cáo từ Nhật Bản (969.068 ca mắc mới; +73%), Hoa Kỳ (860.097 ca mắc mới; -3%), Đức (565.518 ca mắc mới; -16%), Ý (531.327 ca mới; -26%), và Pháp (508.620 ca mới; -27%). **Số ca tử vong mới hàng tuần cao nhất** được báo cáo từ Hoa Kỳ (2.637 ca; +3%), Brazil (396 ca; -20%), Ý (952 ca; +21%), Tây Ban Nha (810 ca; +33%) và Pháp (737 ca; +34%).

³ <https://www.who.int/director-general/speeches/detail/who-director-general-s-opening-remarks-at-the-covid-19-media-briefing--12-july-2022>

phương tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả 3 trụ cột phòng, chống dịch (xét nghiệm, cách ly, điều trị), công thức “2K (khẩu trang, khử khuẩn) + vắc xin + thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân và các biện pháp khác” và tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 38/NQ-CP của Chính phủ; đặc biệt tập trung đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 và đảm bảo thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế và nhân lực y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch⁴.

2. Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; ban hành, tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo⁵, thành lập các đoàn kiểm tra và tổ chức các hội nghị trực tuyến, trực tiếp với các địa phương⁶ để chỉ đạo công tác phòng, chống dịch, đặc biệt về tăng cường tiêm vắc xin phòng COVID-19; kịp thời cập nhật các hướng dẫn tiêm cụ thể cho các nhóm đối tượng tiêm chủng về thời gian, tên gọi các mũi tiêm; rà soát, ban hành kế hoạch tiêm vắc xin 6 tháng cuối năm; duy trì cập nhật với WHO về việc tiếp tục tiêm các mũi tiếp theo (hiện nay WHO hiện chưa khuyến cáo sử dụng vắc xin COVID-19 cho trẻ dưới 5 tuổi do chưa đủ dữ liệu khoa học và dự kiến ban hành chiến lược tiêm chủng COVID-19 toàn cầu cho năm 2023 trong cuối năm 2022, bao gồm cả sử dụng vắc xin COVID-19 cho trẻ dưới 5 tuổi khi có đủ căn cứ khoa học);

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác thu dung, điều trị; đảm bảo cung ứng thuốc điều trị và triển khai kịp thời việc khám, chữa bệnh sau khi mắc COVID-19; giao các đơn vị chuyên môn nghiên cứu việc thực hiện đánh giá miễn dịch cộng đồng; hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện chế độ trực dịch, chi thanh toán trực dịch theo quy định (Hiện nay vẫn chưa có Công bố hết dịch COVID-19, vì vậy việc thực hiện trực dịch vẫn triển khai theo quyết định công bố dịch số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ tình hình thực tế, việc quyết định số lượng và danh sách đơn vị, cá nhân tham gia trực dịch được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011⁷; đẩy mạnh thông tin, truyền thông phòng, chống dịch COVID-19, đặc biệt vận động, khuyến khích người dân tham gia tiêm vắc xin⁸ và cảnh báo

⁴ Thông báo 205/TB-VPCP ngày 15/7/2022; Công điện 664/CĐ-TTg ngày 25/7/2022; Công văn 4707/VPCP-KGVX ngày 27/7/2022.

⁵ Công văn 3460/BYT-DP ngày 30/6/2022; Công văn 3896/BYT-DP ngày 22/7/2022.

⁶ 15 Đoàn giám sát công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 tại 47 tỉnh, thành phố để kịp thời hỗ trợ địa phương, đôn đốc tiến độ tiêm chủng; 03 Hội nghị trực tuyến với 63 tỉnh, thành phố, 03 Hội nghị trực tuyến với 15 tỉnh, thành phố có tiến độ tiêm thấp và 02 Hội nghị trực tiếp với 20 tỉnh, thành phố khu vực phía Nam và 11 tỉnh miền Trung để đôn đốc địa phương tăng cường tiếp nhận vắc xin, quyết liệt và tập trung đẩy mạnh việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên và tiêm 02 liều cơ bản cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi. Ngày 25/7/2022, Bộ Y tế phối hợp với UBND tỉnh Bình Dương tổ chức lễ mít tinh phát động vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân phòng chống dịch bệnh hưởng ứng Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân năm 2022 trong đó có nội dung phòng, chống dịch COVID-19”

⁷ Đối tượng được hưởng phụ cấp phòng chống dịch Covid-19: Từ 29/3/2020 đến 08/02/2021 chế độ phụ cấp chống dịch thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020. Từ 08/02/2021 đến nay (cho cả năm 2022) thực hiện theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021.

Nguồn chi trả phụ cấp:

- Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021. Tỷ lệ hỗ trợ NSTW cho ngân sách địa phương theo Điều 2 Quyết định số 482/QĐ-TTg

- Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

⁸ Công văn 3465/BYT-TTKT ngày 30/6/2022 về việc tăng cường truyền thông tiêm vắc xin phòng COVID-19.

mức độ nguy hiểm của các biến chủng mới.

- Tính đến ngày 4/8/2022, Việt Nam đã triển khai tiêm được hơn 247 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, là quốc gia có số liều vắc xin sử dụng và tỷ lệ bao phủ vắc xin cao trên thế giới (*Tỷ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 cho người từ 12 tuổi trở lên đạt xấp xỉ 100%*); hiệu suất sử dụng vắc xin cao (*đạt 100%*) và tốc độ tiêm nhanh (*tháng cao điểm - tháng 10 và 11/2021 tiêm được 39 - 40 triệu liều/tháng*); tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trên tổng dân số là 52%, cao gấp đôi tỷ lệ trung bình trên thế giới⁹); Tỷ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi cao hơn một số quốc gia phát triển như Mỹ, Đức, Ý, Pháp¹⁰...

Tiến độ tiêm chủng có xu hướng tăng trở lại trong thời gian gần đây. Trong nửa cuối tháng 7/2022, cả nước triển khai tiêm được hơn 7,7 triệu liều vắc xin, tăng 34% so với nửa đầu tháng 7/2022. Việt Nam là nước triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 với quy mô rộng rãi, nhiều đối tượng, nhiều mũi tiêm và sử dụng đa dạng các loại vắc xin¹¹. Các bộ, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và các địa phương đã rất nỗ lực đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc xin, đặc biệt Giáo hội phật giáo Việt Nam đã ban hành văn bản đề nghị tăng cường tiêm vắc xin cho các tăng ni, phật tử. WHO ghi nhận và đánh giá Việt Nam có chiến lược sử dụng vắc xin phù hợp, hiệu quả với cam kết thực hiện của toàn hệ thống chính trị và người dân.

- Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 đến ngày 03/8/2022 như sau:

a) Tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên

Đã có 48.319.657 người từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3, tỷ lệ đạt 72,2%. Theo tỉnh, thành phố có:

+ 20/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trên 80%, trong đó các tỉnh có tỷ lệ tiêm cao nhất là Nghệ An, Bắc Giang, Bến Tre, Thanh Hóa, Ninh Bình.

+ 26/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ từ 60% đến dưới 80%.

+ 17/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ dưới 60%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm thấp nhất là Đồng Nai, Bình Thuận, Cần Thơ, Quảng Nam.

b) Tiêm mũi 4

Đến nay đã có 10.063.270 người được tiêm mũi 4, tỷ lệ đạt 54,7%. Theo tỉnh, thành phố có:

⁹ <https://covid19.who.int/table/> : Theo tổng hợp của WHO, tỷ lệ bao phủ mũi 3 là 26,6% trên tổng dân số.

¹⁰ <https://covid.cdc.gov/covid-data-tracker/#vaccination-demographics-trends> (Tại Mỹ, tỷ lệ mũi 1, 2 là 37,3% và 30,3%); <https://impfdashboard.de/en/> (Tại Đức, tỷ lệ mũi 1, mũi 2 là 22,5% và 20,1%) <https://www.governo.it/it/cscovid19/report-vaccini/> (Tại Italia, tỷ lệ mũi 1, mũi 2 là 38,3% và 35,0%) <https://solidarites-sante.gouv.fr/grands-dossiers/vaccin-covid-19/article/le-tableau-de-bord-de-la-vaccination> (Tại Pháp, tỷ lệ mũi 1, mũi 2 là 5,3% và 4,4%)

¹¹ Ngày 23/6/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 3309/BYT-DP về hướng dẫn tiêm vắc xin phòng COVID-19, trong đó mở rộng thêm nhóm đối tượng cần tiêm mũi 4 so với Công văn số 2357/BYT-DP ngày 09/5/2022. Việt Nam tiêm mũi 3 cho toàn bộ trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi, trong khi nhiều nước chỉ tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ; tiêm mũi 4 cho toàn bộ người từ 50 tuổi trở lên, người có suy giảm miễn dịch thể vừa đến nặng.

+ 19/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trên 70%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm cao nhất là Quảng Ninh, Kiên Giang, Quang Nam, Điện Biên, Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ 31/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ từ 40% đến dưới 70%.

+ 13/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ dưới 40%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm thấp nhất là Phú Yên, Sơn La, Nghệ An, Bắc Kạn, Quảng Trị.

c) Tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi

Đã tiêm được 3.099.579 liều mũi 3 cho nhóm tuổi này, tỷ lệ đạt 35,5%. Theo tỉnh, thành phố có:

+ 17/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trên 50%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm cao nhất là Bắc Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Thanh Hóa.

+ 23/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ từ 30% đến dưới 50%

+ 23/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ dưới 30%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm thấp nhất là Phú Yên, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Bình Thuận, Hà Tĩnh.

d) Tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi

Đã tiêm được 12.415.685 liều, tỷ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 đạt 70,4%, 38,3%.

Mũi 1:

+ 26/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trên 80%; trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm cao nhất là Hải Phòng, Ninh Thuận, Hậu Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long.

+ 26/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ từ 60-80%;

+ 11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ dưới 50%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm thấp nhất Đà Nẵng, Quảng Nam, TP.HCM, Hà Tĩnh, Hà Nội

Mũi 2:

+ 17/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trên 50%; trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm cao nhất là Sóc Trăng, Hậu Giang, Ninh Thuận, Vĩnh Long, Cà Mau

+ 32/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ từ 30-50%;

+ 14/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ dưới 30%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ tiêm thấp nhất là Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Hà Nội, Vĩnh Phúc.

- Tiếp tục hoàn thiện Phương án bảo đảm công tác y tế ứng phó với các tình huống dịch COVID-19 năm 2022 - 2023 và các đề xuất về giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới, trong đó chủ động rà soát, nghiên cứu điều chỉnh phù hợp các biện pháp phòng, chống dịch theo chiến lược “*thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch COVID-19*” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ; hoàn thiện hướng dẫn thực hiện 2K và các biện pháp phòng, chống dịch khác.

- Bộ Y tế đang phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện Nghị quyết của Chính phủ nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong việc mua sắm, đầu thầu thuốc, vật tư, trang thiết bị; đề xuất ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp, ưu

đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại cơ sở y tế công lập theo trình tự, thủ tục rút gọn¹²; đã tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về gói phục hồi, phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực y tế; đến nay Thủ tướng Chính phủ đã có thông báo phân bổ nguồn vốn cho các bộ, ngành, địa phương.

- Phối hợp với các bộ, ngành chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các kịch bản, phương án đáp ứng với các tình huống dịch bệnh và chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiêm chủng bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả; kịp thời khắc phục, giải quyết các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến công tác phòng chống dịch; đồng thời huy động các nguồn lực hỗ trợ công tác phòng, chống dịch.

3. Công tác đảm bảo an sinh xã hội

Các cơ quan thành viên Tiểu ban tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp tục duy trì lực lượng Quân đội, dân quân tự vệ phối hợp với các lực lượng công an, y tế, chính quyền địa phương các cấp thực hiện tuần tra, chốt chặn chống xuất nhập cảnh trái phép, phòng, chống dịch tại các điểm, chốt trên tuyến biên giới, đất liền, biển đảo⁽¹³⁾. Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Đến nay, Trung ương và các địa phương đã dành tổng kinh phí 82.121 tỷ đồng thực hiện các chính sách hỗ trợ 728.488 lượt người sử dụng lao động và trên 49,94 triệu lượt người lao động và các đối tượng khác. Riêng Nghị quyết số 68/NQ-CP (dự kiến ban đầu là gói 26.000 tỷ đồng), đã hỗ trợ tổng kinh phí là 43.722 tỷ đồng cho 381.682 lượt người sử dụng lao động, trên 36,97 triệu lượt người lao động và các đối tượng khác. Thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; đã có 51 tỉnh, thành phố có doanh nghiệp, người lao động nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ⁽¹⁴⁾. Bộ Lao động và Thương binh Xã hội đang phối hợp với Bộ Tài chính để sớm trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định về nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg; đồng thời cùng các bộ, ngành, địa phương tuyên truyền, hướng dẫn và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách này.

4. Đảm bảo an ninh trật tự xã hội

Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ nắm tình hình, biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 của các nước trong khu vực, thế giới để tham mưu, kiến nghị giải pháp phòng chống dịch trong nước thích nghi với tình hình mới. Bộ

¹² Công văn số 4011/BYT-TCCB ngày 28/7/2022 của Bộ Y tế.

⁽¹³⁾ Đã huy động lực lượng DQTV lũy kế đến 03/8/2022: 19.831.719 ngày công. Trong đó: Tham gia phòng, chống dịch trên toàn quốc 1.264.349 ngày công; phối hợp với các lực lượng tổ chức chốt chặn, tuần tra tuyến biên giới 15.124.563 ngày công; bảo vệ và phục vụ tại các khu cách ly 3.317.178 ngày công; tham gia tuyên truyền Nhân dân phòng, chống dịch, tổ Covid cộng đồng và nhiệm vụ khác 125.629 ngày công.

⁽¹⁴⁾ Đến 03/8/2022: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tại 51/63 địa phương đã phê duyệt được trên 17.356 doanh nghiệp với gần 1,2 triệu người lao động, kinh phí đề nghị hỗ trợ trên 760 tỷ đồng. Trong đó 31 tỉnh, thành phố đã thực hiện giải ngân 356 tỷ đồng hỗ trợ trên 620.000 người lao động.

Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai Kế hoạch công tác công an trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; tăng cường công tác quản lý xuất nhập cảnh, phối hợp phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép, bảo đảm an ninh trật tự xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa. Triển khai Kế hoạch của Bộ Công an về công tác bảo đảm an ninh, trật tự quá trình đón khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ tiếp tục triển khai kế hoạch, phương án đấu tranh, ngăn chặn hoạt động lợi dụng tình hình dịch COVID-19 để tuyên truyền, xuyên tạc, chống Đảng, Nhà nước. Tiếp tục duy trì giám sát thường trực hơn 300 trang web, mạng xã hội có hoạt động chống phá nguy hiểm; biên tập đăng tải hàng trăm lượt tin bài định hướng tuyên truyền, đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, sai sự thật. Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền hình, địa phương đăng tải các bài viết, phóng sự tuyên truyền về chủ trương chính sách phòng, chống dịch bệnh của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp.

5. Sản xuất và lưu thông hàng hóa

Tiếp tục triển khai các biện pháp duy trì, tạo thuận lợi và tổ chức hệ thống cung ứng, phân phối hàng hóa. Chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa, khắc phục tình trạng ùn tắc tại các cửa khẩu biên giới trong bối cảnh dịch COVID-19, nhất là tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc¹⁵; xây dựng kịch bản bám sát thị trường, rà soát lại các nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu để đảm bảo đủ xăng dầu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Triển khai Công điện số 416/CD-TTg ngày 13/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm dừng yêu cầu phải xét nghiệm SAR-CoV-2 trước khi nhập cảnh vào Việt Nam.

6. Vận động, huy động nguồn lực xã hội

- Chỉ đạo, hướng dẫn, yêu cầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các địa phương tập trung nắm tình hình để có các giải pháp cụ thể hỗ trợ người dân gặp khó khăn. Đã phân bổ, hỗ trợ và chi mua vắc xin phòng COVID-19: 21.071,3 tỷ đồng (chiếm 86,5% so với tổng nguồn lực tiếp nhận), trong đó: phân bổ 4.238.650 phần quà Đại đoàn kết và túi quà an sinh và hỗ trợ mua thiết bị vật tư y tế, hỗ trợ lực lượng tuyến đầu tham gia phòng, chống dịch; gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19... với trị giá là 13.399,1 tỷ đồng; Quỹ vắc xin phòng COVID-19 đã chi 7.672,2 tỷ đồng theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Về nguồn lực do tổ chức cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ thông qua Bộ Y tế (chủ yếu trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm, thuốc¹⁶), Bộ Y tế đã thực hiện

¹⁵ Tổng lượng xe chờ xuất khẩu tại thời điểm 08h00 ngày 25/7/2022 là 1.063 xe tăng 117 xe so với thời điểm ngày 24/7/2022. Trong đó, tại Lạng Sơn là 641 xe, tại Quảng Ninh là 308 xe, tại Cao Bằng là 114 xe, tại Lào Cai và Hà Giang không có phương tiện chờ xuất khẩu.

¹⁶ **Bộ Y tế đã tiếp nhận các loại trang thiết bị, thuốc, vật tư gồm:**

- Trang thiết bị y tế, chủ yếu các thiết bị sau: Máy thở chức năng cao: 2.486 chiếc; Máy thở thông thường (VFS410, VFS510, Eliciae MV20): 4.500 chiếc; Hệ thống ô xy dòng cao: HFNC: 2.130 chiếc; Máy theo dõi

chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 98/TB-VPCP để tiếp nhận và xuất cấp phục vụ công tác phòng, chống dịch, trong đó viện trợ nước ngoài được quản lý, sử dụng theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ về viện trợ của Chính phủ; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Ghi thu, ghi chi và quyết toán với ngân sách nhà nước; tài trợ trong nước được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và xác định giá trị tài trợ theo Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ.

- Về xuất cấp cho các đơn vị, địa phương: Đối với các trường hợp nhà tài trợ, viện trợ chỉ định đơn vị nhận, xuất cấp theo đề nghị của nhà tài trợ, viện trợ. Đối với các trường hợp tài trợ, viện trợ cho Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Y tế xuất cấp theo đề nghị của đơn vị, địa phương và tình hình dịch bệnh¹⁷. Đối với các hàng hóa đơn vị, địa phương đã tiếp nhận nhưng hiện nhu cầu sử dụng không nhiều do dịch hiện nay đã được kiểm soát nên có văn bản không tiếp nhận hoặc trả lại hoặc đề nghị Bộ Y tế điều phối lại: Bộ Y tế sẽ xem xét điều chuyển nếu có đơn vị, địa phương khác có đề xuất hoặc đề xuất sử dụng phục vụ các hoạt động chuyên môn của đơn vị để tránh lãng phí. Đề nghị các đơn vị, địa phương tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn lực được hỗ trợ trong phòng chống dịch; chủ động, khẩn trương rà soát, xây dựng định mức sử dụng tài sản công, hoàn chỉnh thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định¹⁸.

7. Công tác Dân vận

Tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, giải pháp chỉ đạo của Chính phủ về công tác phòng, chống dịch COVID-19; nắm bắt tình hình nhân dân và công tác phòng, chống

bệnh nhân: 921 chiếc; hàng trăm bơm tiêm điện, máy truyền dịch và một số thiết bị khác; 20 xe xét nghiệm lưu động và trang thiết bị đi kèm; 106 máy xét nghiệm RT-PCR; 67 máy tách chiết tự động.

- Vật tư y tế: Khẩu trang N95/FFP2 khoảng 7,9 triệu chiếc; trên 30 triệu khẩu trang y tế; Bộ trang phục chống dịch khoảng 900.000 bộ;

- Vật tư, phương tiện tiêm chủng vắc xin COVID-19: 205.438.000 bơm kim tiêm, 1.707.375 hộp an toàn tiêm chủng, 9.700 ống dung môi pha vắc xin, 2.195 tủ lạnh đựng vắc xin, 108 tủ lạnh âm 75 độ C để lưu trữ vắc xin; 68 xe tải chở vắc xin, 63 xe tiêm vắc xin lưu động;

- Test xét nghiệm: trên 50 triệu test xét nghiệm các loại, trong đó: Bộ Y tế trên 18,6 triệu test để cấp cho các địa phương; Các địa phương nhận trực tiếp khoảng 40 triệu test;

- Thuốc điều trị các loại: Đã tiếp nhận: (1) 1.674.299 lọ Remdesivir; (2) 33.850.020 viên Molnupiravir; (3) 2.000.000 viên Favipiravir; (4) 5.000 liều Casirivimab và Imdevimab; 3.360.000 viên xuyên tâm liên.

Về hàng đã tiếp nhận nhưng chưa phân bổ

- Hàng hóa tiếp nhận từ đơn vị, tổ chức trong nước:

+ Trang thiết bị: còn 20 xe xét nghiệm lưu động (đã sử dụng chống dịch tại các tỉnh phía Nam).

+ Thuốc và sinh phẩm chưa phân bổ: Thuốc Remdesivir: 689.847 lọ (hạn sử dụng T8/2023); Thuốc Favipiravir: 205.000 viên; Thuốc Casirivimab và Imdevimab: 500 liều.

+ Vật tư y tế: Khẩu trang y tế: 2.323.450 chiếc (Hạn sử dụng 4-7/2023); N95 hoặc tương đương: 167.620 chiếc: Hạn sử dụng Tháng 7/2026; Bộ quần áo chống dịch cấp 4: 8.294 bộ: Hạn sử dụng tháng 10/2024 - tháng 12/2024; Bộ quần áo chống dịch cấp 3: 118.025 bộ: Hạn sử dụng tháng 10/2024 - tháng 12/2024; Bộ quần áo chống dịch cấp 2: 70.493 bộ: Hạn sử dụng tháng 11/2024 - tháng 3/2025.

- Hàng hóa tiếp nhận từ các tổ chức, đơn vị ngoài nước: Khẩu trang y tế và KN95: còn 5.300.000 chiếc; test nhanh kháng nguyên: còn lại 44.500 bộ chưa phân bổ và 30.000 bộ đơn vị trả lại; test dùng cho PCR: còn lại 90.000 bộ.

¹⁷ Theo Nghị quyết 86/NQ-CP không áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với các tài sản nhận viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân. Sau khi hết dịch xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công.

¹⁸ Công văn 160/BYT-KHTC ngày 10/01/2022; công văn 1882/BYT-KH-TC ngày 14/4/2022 về việc tăng cường quản lý các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19

dịch COVID-19 tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tiếp tục phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tăng cường vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người cô đơn, yếu thế, tàn tật bị ảnh hưởng của dịch COVID-19.

8. Công tác Tài chính, hậu cần

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch.

- Ngày 14/7/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg ngày 08/7/2022 về cơ chế hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch COVID-19. Thực hiện Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có công văn số 7231/BTC-HCSN và công văn số 7232/BTC-HCSN ngày 25/7/2022, gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó đề nghị tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các đơn vị, địa phương có kiến nghị điều chuyển thuốc, vật tư, sinh phẩm (còn tồn kho, sắp hết hạn khoảng 451 tỷ đồng) đã mua từ nguồn NSNN cho phòng, chống dịch Covid-19 sang nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh: Bộ Y tế có công văn số 1834/BYT-KHTC ngày 20/7/2022 gửi các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho ý kiến đề tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

9. Công tác Truyền thông

Chỉ đạo, định hướng báo chí, truyền thông thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 38/NQ-CP về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng công tác truyền thông, công nghệ phòng, chống dịch COVID-19. Triển khai có hiệu quả các giải pháp công nghệ hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19 (đến ngày 13/7/2022, toàn quốc có tổng số 46.428.024 điện thoại thông minh cài PC-COVID, chiếm 48,40% dân số, 69,62% số điện thoại thông minh); tiếp tục triển khai kết nối, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu tiêm chủng với ứng dụng PC-COVID.

III. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ THÁCH THỨC, CƠ HỘI

1. Khó khăn, tồn tại

- Các dịch bệnh truyền nhiễm đang diễn biến phức tạp; nguy cơ dịch chồng dịch luôn hiện hữu;

- Vẫn còn tình trạng chủ quan, lơ là trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch;

- Tốc độ tiêm vắc xin COVID-19 ở một số địa phương không đạt tiến độ, nhất là tiêm mũi 3, mũi 4 và tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi;

- Nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch chưa được đảm bảo, nhất là về nguồn nhân lực phòng, chống dịch; một số quy định của pháp luật hiện hành chưa bao quát được hết các tình huống dịch, nhất là với dịch COVID-19.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, lụt bão; đô thị hóa và di dân là điều kiện thuận lợi để dịch xuất hiện và lây lan; sự xuất hiện, tiến hóa của các biến chủng mới dẫn đến miễn dịch giảm theo thời gian, xu hướng dịch khó dự báo;

- Sự di biến động dân cư, xu hướng trở lại các thành phố lớn để học tập, làm việc dẫn đến việc thống kê, triển khai kế hoạch tiêm cho người trên 18 tuổi gặp khó khăn; hầu hết trẻ em đang trong giai đoạn nghỉ hè dẫn đến khó huy động tham gia tiêm chủng.

- Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nguồn nguyên liệu sản xuất, hàng hóa khan hiếm, giá cả hàng hóa nhiều biến động, vì vậy, việc mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất, các sinh phẩm cho phòng, chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh càng trở nên khó khăn hơn.

- Tình trạng viên chức, nhân viên y tế, nhất là các lực lượng phòng, chống dịch xin nghỉ việc, thôi việc do gặp nhiều khó khăn, vất vả với cường độ và áp lực công việc cao, môi trường làm việc căng thẳng, mệt mỏi, thu nhập thấp, nhất là tại các đơn vị y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số nơi chưa quyết liệt trong công tác phòng, chống dịch; năng lực quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện phòng, chống dịch chưa đồng đều, chưa nhất quán; chưa có sự vào cuộc của các cấp, các ngành cùng với ngành y tế, sự phối hợp giữa các lực lượng chưa nhịp nhàng, đồng bộ;

- Vẫn có tình trạng né tránh tiêm vắc xin ở một bộ phận người dân; công tác vận động, khuyến khích người dân tham gia tiêm chủng chưa đạt được như mong muốn.

- Có tâm lý lo ngại, sợ sai, sợ được thanh tra, kiểm tra, đặc biệt trong việc mua sắm, đầu thầu phòng, chống dịch; tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế ở nhiều nơi gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch.

- Thu nhập, chế độ đãi ngộ, chính sách động viên khen thưởng với các cán bộ y tế nhất là cán bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, cán bộ y tế trong các cơ sở điều trị chưa kịp thời; chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút những thầy thuốc có trình độ chuyên môn, tay nghề, làm việc lâu dài tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

3. Thách thức và cơ hội

3.1. Thách thức

Tình hình dịch bệnh trong nước và thế giới tiếp tục có những diễn biến mới, thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, tác động ngày càng nặng nề...có thể tác động tới việc thực hiện "đa mục tiêu" vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vừa giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm ổn định chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội, vừa chăm lo an sinh xã hội, đời sống nhân dân, vừa đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng...Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng còn tiềm ẩn nếu dịch bệnh không được kiểm soát hiệu quả.

3.2. Cơ hội

- Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc nhanh chóng, kịp thời, quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của người dân tích cực của người dân, tình hình dịch bệnh vẫn được kiểm soát trên phạm vi cả nước;

- Việt Nam đã là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vắc xin cao nhất thế giới, năng lực ứng phó dịch bệnh đã được cải thiện nhiều với nhiều bài học kinh nghiệm, công thức, phương châm phòng chống dịch hiệu quả được đúc rút.

- Với những kết quả chống dịch đạt được, Việt Nam đã từng bước thực hiện thích ứng, an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch COVID-19 theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ và chuyển tiếp từ phòng, chống đại dịch sang quản lý bền vững góp phần quan trọng để tập trung phục hồi, phát triển kinh tế xã hội và ổn định chính trị, xã hội.

Việt Nam hiện cơ bản đáp ứng được những điều kiện cần thiết để chuyển tiếp từ phòng chống đại dịch sang quản lý bền vững; tuy nhiên vẫn cần luôn cảnh giác với các biến thể mới của vi rút, chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng với các tình huống có thể xảy ra của dịch bệnh và trước hết yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Thứ nhất là sự vào cuộc nhanh chóng, kịp thời; sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt, đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt và nhất quán từ Trung ương đến địa phương; huy động cả hệ thống chính trị và sự tham gia của người dân;

Thứ hai là triển khai sớm, chủ động và đặc biệt là kiên định với các biện pháp chống dịch trên quan điểm thống nhất, xuyên suốt luôn đi trước một bước.

Thứ ba là bám sát thực tiễn, nắm chắc tình hình, căn cứ dữ liệu khoa học đưa ra các biện pháp phù hợp, kịp thời, hiệu quả; chủ động xây dựng các kịch bản từ sớm, toàn diện, đồng bộ không để bị động, bất ngờ trước các diễn biến dịch bệnh.

Thứ tư là đảm bảo các nguồn lực cho phòng, chống dịch về cả nhân lực và vật lực; phát huy sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương; chủ động trong công tác hậu cần, huy động các nguồn lực trong và ngoài

nước, nguồn lực của nhân dân và xã hội tham gia trong công tác phòng, chống dịch.

Thứ năm là minh bạch, chủ động trong cung cấp thông tin, truyền thông sâu rộng, tạo được sự tham gia, hưởng ứng tích cực, đồng thuận của người dân.

Thứ sáu là nhất quán chủ trương phòng, chống dịch hiệu quả để tập trung phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị; tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế về y tế, góp phần tiếp tục nâng cao uy tín trên trường quốc tế của đất nước.

V. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19

Trên thế giới, biến thể phụ BA.4, BA.5 của chủng Omicron có khả năng lây lan nhanh hơn 12% so với biến thể BA.2¹⁹ đã ghi nhận tại nhiều quốc gia, do đó trong thời gian tới số ca mắc với biến thể BA.5 sẽ tiếp tục gia tăng. Các biến thể mới liên tục xuất hiện hoặc tiến hóa, mới nhất là BA.2.75, BA.2.12.1 có khả năng làm giảm miễn dịch qua thời gian và có thể làm dịch bùng phát trở lại.

Trong nước đã ghi nhận biến thể phụ BA.4, BA.5, đặc biệt tại các tỉnh phía Nam các biến thể này đã bắt đầu chiếm ưu thế; tỷ lệ tiêm vắc xin mũi 3, mũi 4 và tiêm cho trẻ em tại một số nơi còn thấp. Số ca mắc đang gia tăng trở lại và có xu hướng tiếp tục tăng có thể gây quá tải hệ thống y tế, nhất là trong bối cảnh nguy cơ xảy ra “dịch chồng dịch” do một số bệnh dịch lưu hành khác (cúm A, sốt xuất huyết, tay chân miệng...) đang trong mùa cao điểm và khả năng xâm nhập của các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi (đậu mùa khỉ, viêm gan cấp tính...).

VI. TRỌNG TÂM NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

Quán triệt mục tiêu đặt tính mạng của người dân lên trên; thực hiện hiệu quả việc kiểm soát dịch bệnh trên quan điểm phòng dịch từ sớm, từ xa, từ cơ sở; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, không để dịch bùng phát trở lại nhằm góp phần tạo điều kiện cho việc phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; trong thời gian tới các Bộ, ngành và địa phương cần nâng cao trách nhiệm hơn nữa, tập trung hơn nữa để chỉ đạo triển khai quyết liệt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch, nhất là sự xuất hiện của các biến thể mới của COVID-19, thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình và các yếu tố nguy cơ; chủ động xây dựng các kịch bản, phương án ứng phó và triển khai đáp ứng với mọi tình huống có thể xảy ra của dịch; kịp thời cập nhật, bổ sung các hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ địa phương trong phòng chống dịch COVID-19.

2. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh hơn nữa tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả; hoàn thành tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi trong tháng 8/2022; đẩy nhanh tiêm vắc xin mũi 3, mũi 4 cho các nhóm đối tượng, nhất là các nhóm nguy cơ cao; xây dựng và ban hành kế hoạch tiêm vắc xin năm 2023 và kế hoạch tiêm vắc xin cho trẻ em từ 6 tháng đến dưới 5 tuổi.

¹⁹ <https://www.ecdc.europa.eu/en/news-events/epidemiological-update-sars-cov-2-omicron-sub-lineages-ba4-and-ba5>

3. Tiếp tục tổ chức tốt việc phân luồng, thu dung, cấp cứu, cách ly và điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh, đặc biệt chú ý đối với nhóm nguy cơ cao, hạn chế thấp nhất các ca tử vong; thực hiện nghiêm việc kiểm soát nhiễm khuẩn, không để lây nhiễm chéo trong bệnh viện; tăng cường chỉ đạo tuyến, hỗ trợ tuyến dưới.

4. Tiếp tục bảo đảm đủ thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế, nhân lực cho công tác phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục kiện toàn lực lượng chống dịch, động viên, nâng cao chế độ đãi ngộ với các cán bộ y tế trên địa bàn, nhất là cán bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, cán bộ y tế trong các cơ sở điều trị; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai nghiên cứu, sản xuất vắc xin, sinh phẩm, thuốc, vật tư, trang thiết bị.

5. Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền nâng cao kiến thức người dân hướng đến thay đổi hành vi cá nhân có lợi cho sức khỏe để phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là thực hiện 2K (Khẩu trang, Khử khuẩn) và tiêm vắc xin; tiếp tục đẩy mạnh thông tin về tác dụng, hiệu quả của vắc xin trong ngăn ngừa bệnh nặng, tử vong, khuyến khích, vận động người dân tham gia tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Thực hiện phương châm truyền thông tại chỗ đảm bảo kịp thời, minh bạch, đồng bộ và hiệu quả.

6. Phối hợp với các tổ chức, chuyên gia trong nước, quốc tế theo dõi, cập nhật tình hình dịch, nhất là với các biến thể mới; kịp thời đề xuất các hoạt động phòng, chống dịch phù hợp và huy động hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức quốc tế.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bộ Y tế kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các địa phương, các bộ, ban, ngành thực hiện nghiêm, quyết liệt các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác phòng, chống dịch COVID-19, cụ thể như sau:

1. Đối với các địa phương

- Chỉ đạo tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết 38/NQ-CP của Chính phủ, Thực hiện nghiêm Công điện 664/CD-TTg ngày 25/7/2022 về việc tăng cường công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 và các công điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống dịch; chủ động, sẵn sàng đáp ứng các tình huống dịch có thể xảy ra, không để bất ngờ, bị động. Quán triệt và thực hiện nghiêm những giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo công thức “2K (khẩu trang, khử khuẩn) + vắc xin + thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân và các biện pháp khác” với các trụ cột cách ly, xét nghiệm, điều trị.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Trưởng ban chỉ đạo phòng, chống dịch chịu trách nhiệm chỉ đạo tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đạt chỉ tiêu đề ra; tập trung đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tiêm vắc xin phòng COVID-19, hoàn thành tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi trong tháng 8/2022 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đẩy nhanh tiêm vắc xin mũi 3, mũi 4 cho từng nhóm đối tượng và không để vắc xin không được sử dụng kịp thời, gây lãng phí.

- Chỉ đạo theo dõi, bám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn, nhất là sự xuất hiện các biến thể mới của vi rút SARS-CoV-2; thường xuyên đánh giá cấp độ dịch để kịp thời điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch theo Nghị quyết 128/NQ-CP; tăng cường giám sát phát hiện sớm, điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh, hạn chế các trường hợp chuyển bệnh nặng, tử vong.

- Chỉ đạo các cơ sở điều trị tiếp tục thực hiện tốt phân tuyến, phân luồng khám, sàng lọc bệnh; đảm bảo công tác thu dung, cấp cứu, cách ly, điều trị, đặc biệt với các nhóm nguy cơ cao; không để lây nhiễm chéo trong cơ sở y tế.

- Chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, nâng cao kiến thức phòng bệnh hướng đến thay đổi hành vi cá nhân, đặc biệt là hướng dẫn chi tiết thực hiện 2K (Khẩu trang, Khử khuẩn); tác dụng, hiệu quả của vắc xin trong ngăn ngừa bệnh nặng, tử vong để khuyến khích, vận động người dân tham gia tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Đồng thời, thực hiện phương châm truyền thông tại chỗ: thông điệp tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chuyên gia tại chỗ, ngôn ngữ tại chỗ và nhân lực tại chỗ giúp công tác truyền thông kịp thời, minh bạch, đồng bộ và hiệu quả.

- Chỉ đạo việc bảo đảm đủ thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế, nhân lực cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 và phục vụ khám, chữa bệnh cho người dân; tiếp tục kiện toàn lực lượng chống dịch, động viên, nâng cao chế độ đãi ngộ với các cán bộ y tế trên địa bàn, nhất là cán bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, cán bộ y tế trong các cơ sở điều trị, bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả.

2. Đối với các bộ, ngành

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế để thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác phòng, chống dịch bệnh; phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đảm bảo kinh phí, nguồn lực để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch và kịp thời xử lý các vướng mắc, tồn tại liên quan tới công tác phòng, chống dịch và tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các hoạt động theo lĩnh vực phụ trách về an sinh xã hội, an ninh trật tự, an toàn trật tự xã hội, lưu thông hàng hóa, vận động, huy động nguồn lực xã hội, dân vận, tài chính, hậu cần và truyền thông.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo tăng cường tiêm vắc xin cho trẻ em bảo đảm khoa học, hiệu quả và hoàn thành tiến độ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với các địa phương triển khai kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn phòng, chống dịch cho năm học mới.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường chỉ đạo, định hướng báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở triển khai các giải pháp truyền thông và công nghệ phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh, đặc biệt nhằm tuyên truyền nâng cao kiến thức người dân hướng đến thay đổi hành vi có lợi để phòng dịch bệnh.

- Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn các đơn vị, địa phương việc xác định giá trị hàng hoá tiếp nhận làm cơ sở hạch toán, quản lý và sử dụng theo đề nghị của Bộ Y tế tại công văn số 138/BYT-KH-TC ngày 09/01/2022.

Bộ Y tế kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng xem xét, ban hành Nghị quyết của Chính phủ nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong việc mua sắm, đấu thầu thuốc, vật tư, trang thiết bị và cho phép ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp, ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại cơ sở y tế công lập theo trình tự, thủ tục rút gọn và tiếp tục ban hành Công điện của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch và tiêm vắc xin phòng COVID-19.

**Phụ lục 1: Tiến độ triển khai tiêm mũi 3, mũi 4 cho người từ 18 tuổi trở lên
đến hết ngày 03/8/2022
(Sắp xếp theo thứ tự tỷ lệ từ cao xuống thấp)**

TT	Địa phương	Mũi bổ sung*	Tiêm mũi 3***			Tiêm mũi 4***		
			Tổng số đối tượng	Số lượng đã tiêm	%	Tổng số đối tượng (a)	Số lượng đã tiêm	%
	Cả nước	13.992.544	66.538.714	48.032.521	71,9%	18.972.761	10.065.944	58,11%
1	Nghệ An	83.241	1.960.853	1.950.069	99,5%	567.942	150.679	26,5%
2	Bắc Giang	159.744	1.280.197	1.236.550	96,6%	754.472	578.403	76,7%
3	Bến Tre	104.109	949.922	906.478	95,4%	327.286	177.388	54,2%
4	Thanh Hoá	433.789	2.204.426	2.098.877	95,2%	563.172	381.832	67,8%
5	Ninh Bình	226.778	665.715	609.164	91,5%	200.000	84.498	42,2%
6	Quảng Ninh	31.825	1.020.234	926.244	90,8%	237.606	366.055	100,0%
7	Lạng Sơn	0	506.403	453.037	89,5%	160.000	112.657	70,4%
8	Trà Vinh	14.376	698.227	621.709	89,0%	210.660	132.029	62,7%
9	Yên Bái	266.379	510.271	451.716	88,5%	156.043	63.842	40,9%
10	Lai Châu	108.338	224.546	198.233	88,3%	53.592	29.358	54,8%
11	Đắk Nông	222.617	324.067	283.397	87,5%	65.068	43.419	66,7%
12	Bắc Cạn	14.803	216.218	183.042	84,7%	27.210	7.453	27,4%
13	Sơn La	0	737.237	622.590	84,4%	349.240	87.349	25,0%
14	Bình Dương	87.739	2.066.553	1.734.676	83,9%	408.893	267.599	65,4%
15	Hà Nội	217.488	5.449.464	4.559.551	83,7%	1.586.330	851.713	53,7%
16	Nam Định	57.360	1.159.000	953.306	82,3%	145.773	100.167	68,7%
17	Lào Cai	261.336	445.152	360.159	80,9%	168.269	74.909	44,5%
18	Long An	23.115	1.452.231	1.169.521	80,5%	588.508	388.301	66,0%
19	Quảng Ngãi	126.755	723.358	581.827	80,4%	144.961	114.390	78,9%
20	Đắc Lắc	494.768	865.723	694.907	80,3%	309.050	142.682	46,2%
21	Điện Biên	240.571	281.973	225.651	80,0%	40.204	39.933	99,3%
22	Vĩnh Phúc	243.586	789.896	616.108	78,0%	234.184	76.145	32,5%
23	Hải Dương	103.592	1.344.063	1.041.459	77,5%	223.142	62.174	27,9%
24	Kon Tum	96.150	307.146	237.263	77,2%	61.232	38.131	62,3%
25	Tuyên Quang	86.532	488.140	374.253	76,7%	170.600	78.051	45,8%
26	Ninh Thuận	67.292	373.632	284.610	76,2%	82.922	48.317	58,3%
27	Hà Tĩnh	148.750	795.436	594.816	74,8%	68.321	54.070	79,1%
28	Hoà Bình	226.992	553.424	413.216	74,7%	146.384	73.251	50,0%
29	Tiền Giang	107.130	1.300.609	963.850	74,1%	201.150	163.341	81,2%
30	Tp. Đà Nẵng	82.513	885.070	642.453	72,6%	317.566	106.460	33,5%
31	Thái Nguyên	208.973	918.061	663.081	72,2%	240.574	132.954	55,3%
32	BR-VT	28.757	956.596	684.136	71,5%	79.757	78.205	98,1%
33	Kiên Giang	0	1.190.277	836.321	70,3%	154.177	155.844	100,0%
34	Quảng Trị	48.861	448.342	314.839	70,2%	90.439	24.981	27,6%
35	Hậu Giang	156.572	536.163	374.001	69,8%	264.212	106.512	40,3%
36	Bắc Ninh	360.518	1.146.710	797.127	69,5%	412.472	200.097	48,5%
37	Vĩnh Long	290.711	769.026	534.788	69,5%	270.062	244.522	90,5%
38	Phú Thọ	294.821	1.010.520	676.211	66,9%	268.085	113.559	42,4%

TT	Địa phương	Mũi bổ sung*	Tiêm mũi 3***			Tiêm mũi 4***		
			Tổng số đối tượng	Số lượng đã tiêm	%	Tổng số đối tượng (a)	Số lượng đã tiêm	%
39	Gia Lai	217.682	950.154	635.143	66,8%	141.161	78.879	55,9%
40	TP. HCM	686.837	6.703.022	4.473.277	66,7%	2.882.000	1.285.764	44,6%
41	Bạc Liêu	186.926	572.580	378.066	66,0%	362.777	137.100	37,8%
42	Sóc Trăng	547.511	866.520	555.625	64,1%	167.896	118.727	70,7%
43	Hà Nam	279.053	612.219	389.496	63,6%	71.535	63.469	88,7%
44	An Giang	332.279	1.164.696	728.520	62,6%	677.176	202.178	29,9%
45	Hà Giang	215.695	490.008	303.995	62,0%	112.509	60.556	53,8%
46	TT- Huế	288.022	779.911	476.475	61,1%	148.000	77.872	52,6%
47	Lâm Đồng	529.715	972.137	593.028	61,0%	404.850	161.541	39,9%
48	Cao Bằng	75.669	368.973	220.946	59,9%	57.726	41.194	71,4%
49	Quảng Bình	177.939	524.806	313.112	59,7%	50.463	39.589	78,5%
50	Thái Bình	327.371	1.245.000	723.609	58,1%	400.000	116.843	29,2%
51	Phú Yên	81.429	602.637	348.915	57,9%	212.250	45.060	21,2%
52	Cà Mau	472.407	813.771	470.560	57,8%	203.622	158.076	77,6%
53	Đồng Tháp	387.495	1.172.379	664.881	56,7%	325.400	161.010	49,5%
54	Hưng Yên	309.423	826.028	465.909	56,4%	86.107	76.070	88,3%
55	Hải Phòng	586.308	1.411.495	792.527	56,1%	240.000	119.265	49,7%
56	Tây Ninh	31.778	954.662	533.533	55,9%	325.680	143.401	44,0%
57	Bình Phước	242.442	741.800	413.126	55,7%	198.893	107.616	54,1%
58	Bình Định	369.027	1.070.902	585.327	54,7%	235.357	107.178	45,5%
59	Khánh Hòa	432.635	952.940	519.682	54,5%	202.769	149.481	73,7%
60	Quảng Nam	422.091	1.086.469	581.757	53,5%	72.479	93.749	100,0%
61	Cần Thơ	348.184	891.583	471.187	52,8%	295.186	185.808	62,9%
62	Bình Thuận	186.729	902.470	453.887	50,3%	75.913	62.551	82,4%
63	Đồng Nai	531.016	2.306.671	1.070.702	46,4%	673.454	321.697	47,8%

*: Mũi bổ sung chỉ định cho người có tình trạng suy giảm miễn dịch từ thể vừa đến thể nặng; người đã tiêm 2 liều vắc xin Vero Cell/Sputnik V. Mũi bổ sung được tính vào mũi cơ bản.

** : Mũi nhắc lại lần 1 cho nhóm người từ 18 tuổi trở lên.

***: Mũi nhắc lại lần 2 cho nhóm người từ 18 tuổi trở lên.

(a) Đối tượng tiêm mũi 4: Người từ 50 tuổi trở lên; Người từ 18 tuổi trở lên có suy giảm miễn dịch từ thể vừa đến thể nặng; Người từ 18 tuổi trở lên thuộc nhóm nguy cơ cao phơi nhiễm với COVID-19: cán bộ y tế, cán bộ tuyến đầu (lực lượng công an, quân đội, giáo viên, người làm việc trong lĩnh vực giao thông vận tải, người cung cấp dịch vụ thiết yếu, người làm việc tại các cơ sở dịch vụ du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ), công nhân, người làm việc các khu công nghiệp.

Phụ lục 2: Tiến độ triển khai tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi đến hết ngày 03/8/2022

(Sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp)

TT	Địa phương	Dân số từ 12 đến dưới 18 tuổi	Số người tiêm mũi 3	Tỷ lệ mũi 3 / dân số từ 12 đến dưới 18 tuổi
		a	b	c=b/a
	Cả nước	8.689.594	3.100.146	38,4%
1	Bắc Giang	150.049	119.518	79,7%
2	Trà Vinh	96.275	73.963	76,8%
3	Vĩnh Long	91.692	61.542	67,1%
4	Hậu Giang	70.270	47.150	67,1%
5	Thanh Hoá	285.497	184.912	64,8%
6	Cà Mau	112.247	71.830	64,0%
7	Bạc Liêu	90.822	54.891	60,4%
8	Sóc Trăng	111.555	66.595	59,7%
9	Lâm Đồng	131.801	75.733	57,5%
10	Ninh Bình	81.762	44.686	54,7%
11	Long An	167.662	90.203	53,8%
12	Quảng Ninh	121.623	65.090	53,5%
13	Bến Tre	104.446	55.887	53,5%
14	Tiền Giang	158.524	83.696	52,8%
15	Bắc Ninh	116.710	60.840	52,1%
16	Thái Nguyên	107.936	55.709	51,6%
17	Đắk Lắk	132.414	68.025	51,4%
18	Hải Phòng	168.304	86.499	51,4%
19	Phú Thọ	127.562	63.247	49,6%
20	Lạng Sơn	65.750	31.166	47,4%
21	Hà Nam	72.258	33.994	47,0%
22	Tây Ninh	103.358	48.537	47,0%
23	Yên Bái	79.169	35.549	44,9%
24	Bình Phước	108.339	48.662	44,9%
25	Bình Định	146.514	63.681	43,5%
26	Lào Cai	79.914	34.128	42,7%
27	Kon Tum	53.407	22.785	42,7%
28	Đắk Nông	68.824	28.467	41,4%
29	Cần Thơ	112.746	45.189	40,1%
30	TT- Huế	103.142	39.474	38,3%
31	Hải Dương	157.641	57.701	36,6%
32	Vĩnh Phúc	113.795	41.340	36,3%
33	Hoà Bình	77.852	26.729	34,3%
34	Kiên Giang	164.586	55.753	33,9%
35	Ninh Thuận	52.588	17.785	33,8%

TT	Địa phương	Dân số từ 12 đến dưới 18 tuổi	Số người tiêm mũi 3	Tỷ lệ mũi 3 / dân số từ 12 đến dưới 18 tuổi
		a	b	c=b/a
36	Lai Châu	44.963	14.749	32,8%
37	An Giang	198.826	64.979	32,7%
38	Bắc Cạn	26.267	8.514	32,4%
39	Hung Yên	112.803	36.147	32,0%
40	Gia Lai	166.462	52.125	31,3%
41	Quảng Ngãi	112.715	31.691	28,1%
42	Nam Định	159.266	44.413	27,9%
43	Đồng Tháp	159.614	44.257	27,7%
44	Nghệ An	274.429	74.049	27,0%
45	Cao Bằng	46.117	12.308	26,7%
46	Khánh Hòa	113.857	29.586	26,0%
47	Sơn La	141.675	36.070	25,5%
48	Hà Giang	89.928	21.639	24,1%
49	Quảng Trị	62.861	15.152	24,1%
50	Tuyên Quang	77.337	17.056	22,1%
51	Bình Dương	180.024	38.612	21,4%
52	TP. HCM	799.883	167.176	20,9%
53	Thái Bình	150.000	30.050	20,0%
54	Quảng Nam	133.495	26.241	19,7%
55	Quảng Bình	78.572	15.400	19,6%
56	Điện Biên	67.206	12.677	18,9%
57	Đồng Nai	285.215	53.718	18,8%
58	Hà Nội	676.050	123.239	18,2%
59	Hà Tĩnh	115.398	18.515	16,0%
60	Bình Thuận	128.964	17.089	13,3%
61	Tp. Đà Nẵng	102.225	13.338	13,0%
62	BR-VT	112.724	12.259	10,9%
63	Phú Yên	85.684	8.141	9,5%

**Phụ lục 3: Tiến độ triển khai tiêm liều cơ bản cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi
đến hết ngày 03/8/2022**

(Sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp)

TT	Địa phương	Dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi	Số tiêm Mũi 1	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi	Số tiêm Mũi 2	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi
		a	b	e=b/a	c	f=c/a
	Cả nước	11.419.581	8.039.425	74%	4.386.294	41,4%
1	Hải Phòng	200.000	227.047	100,0%	96.172	48,1%
2	Ninh Thuận	59.793	59.817	100,0%	43.663	73,0%
3	Hậu Giang	78.567	79.758	100,0%	58.443	74,4%
4	Sóc Trăng	148.099	142.174	96,0%	115.743	78,2%
5	Vĩnh Long	106.867	100.706	94,2%	73.725	69,0%
6	Cà Mau	126.774	118.162	93,2%	82.092	64,8%
7	Bắc Giang	251.156	231.216	92,1%	109.552	43,6%
8	Thanh Hoá	469.354	431.887	92,0%	292.736	62,4%
9	Đông Tháp	178.550	156.655	87,7%	111.711	62,6%
10	Quảng Ninh	151.613	132.364	87,3%	56.143	37,0%
11	Kon Tum	86.127	74.234	86,2%	35.857	41,6%
12	Hà Giang	135.897	116.679	85,9%	77.187	56,8%
13	Bến Tre	132.151	113.002	85,5%	75.687	57,3%
14	An Giang	222.440	189.883	85,4%	143.813	64,7%
15	Cần Thơ	125.456	105.432	84,0%	75.545	60,2%
16	Lào Cai	114.364	95.970	83,9%	58.383	51,1%
17	Điện Biên	99.253	82.705	83,3%	48.487	48,9%
18	Hoà Bình	112.214	92.984	82,9%	51.031	45,5%
19	Bình Phước	127.875	105.457	82,5%	52.073	40,7%
20	Trà Vinh	120.411	98.767	82,0%	75.636	62,8%
21	Kiên Giang	215.957	175.898	81,5%	95.856	44,4%
22	Sơn La	186.527	151.590	81,3%	86.190	46,2%
23	Bắc Ninh	182.176	147.816	81,1%	93.896	51,5%
24	Bạc Liêu	105.959	85.914	81,1%	59.494	56,1%
25	Lai Châu	79.149	64.128	81,0%	37.912	47,9%
26	Lâm Đồng	179.662	145.459	81,0%	70.485	39,2%
27	Gia Lai	212.499	169.623	79,8%	82.875	39,0%
28	Đồng Nai	313.859	249.928	79,6%	122.064	38,9%
29	Yên Bái	119.784	94.515	78,9%	49.990	41,7%
30	Đắk Nông	94.245	74.233	78,8%	33.101	35,1%
31	Long An	184.624	145.415	78,8%	109.462	59,3%
32	Lạng Sơn	95.009	72.406	76,2%	37.963	40,0%
33	Tiền Giang	172.983	131.395	76,0%	95.194	55,0%
34	Cao Bằng	70.458	52.268	74,2%	26.927	38,2%
35	Tuyên Quang	112.105	82.309	73,4%	43.156	38,5%

TT	Địa phương	Dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi	Số tiêm Mũi 1	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi	Số tiêm Mũi 2	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5 đến dưới 12 tuổi
		a	b	e=b/a	c	f=c/a
36	Quảng Ngãi	131.000	96.171	73,4%	51.894	39,6%
37	Đắc Lắc	204.536	148.604	72,7%	54.835	26,8%
38	Tây Ninh	113.724	79.692	70,1%	36.594	32,2%
39	Hung Yên	135.162	94.676	70,0%	40.833	30,2%
40	Phú Yên	100.771	70.210	69,7%	40.157	39,8%
41	Bắc Cạn	39.755	27.563	69,3%	14.173	35,7%
42	Thái Nguyên	166.828	115.035	69,0%	58.180	34,9%
43	Hà Nam	99.307	68.305	68,8%	24.290	24,5%
44	Thái Bình	200.000	135.721	67,9%	66.650	33,3%
45	Quảng Bình	115.015	76.920	66,9%	33.034	28,7%
46	Nam Định	230.518	149.835	65,0%	80.658	35,0%
47	Bình Định	165.570	105.817	63,9%	52.691	31,8%
48	Ninh Bình	123.949	78.519	63,3%	39.170	31,6%
49	BR-VT	110.762	69.005	62,3%	35.178	31,8%
50	TT- Huế	131.214	80.283	61,2%	41.834	31,9%
51	Quảng Trị	81.347	49.563	60,9%	24.547	30,2%
52	Khánh Hòa	123.242	74.166	60,2%	21.559	17,5%
53	Nghệ An	461.927	274.061	59,3%	137.983	29,9%
54	Bình Dương	275.081	161.855	58,8%	71.714	26,1%
55	Vĩnh Phúc	157.694	90.600	57,5%	34.008	21,6%
56	Phú Thọ	211.047	119.748	56,7%	51.172	24,2%
57	Hải Dương	237.810	129.009	54,2%	81.376	34,2%
58	Bình Thuận	126.860	66.787	52,6%	33.853	26,7%
59	Hà Nội	945.000	487.406	51,6%	170.611	18,1%
60	Hà Tĩnh	181.514	86.934	47,9%	48.023	26,5%
61	TP. HCM	898.537	397.597	44,2%	224.869	25,0%
62	Quảng Nam	161.254	65.537	40,6%	20.620	12,8%
63	Tp. Đà Nẵng	118.200	42.010	35,5%	17.544	14,8%